TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2024/HS-ST
Ngày 18-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải.

Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;

Bà Bùi Thị Đào;

Bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh ngày 20/9/1971 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản N, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Trần Văn S và bà Trần Thị T (*đều đã chết*); có chồng là Nguyễn Văn Q (*đã ly hôn*) và 02 con chung (*con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1992*); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Phương V, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Bản N, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 15 phút ngày 04/01/2000, Tổ công tác Phòng C1 Công an tỉnh Sơn La phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực tiểu khu X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị C, sinh năm 1976 và Lê Trọng K, sinh năm 1976, cùng trú tại: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La có hành vi bán trái phép chất ma túy tại nhà riêng của Nguyễn Thị C ở tiểu khu X, thị trấn M. Vật chứng thu giữ: 02 nửa bánh bột nén màu trắng có tổng khối lượng 276,98 gam. Khám xét nơi ở của Nguyễn Thị C thu giữ 46,52 gam (*kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi của Trần Thị H*). Tại Bản Kết luận giám định số 163/C21(P5) ngày 16/02/2000 của V1 Bộ Công an kết luận vật chứng thu giữ trên đều là Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị C và Lê Trọng K khai nhận nguồn gốc số ma túy thu giữ mua của Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964, trú tại: Xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La. Cùng tham gia việc mua bán ma túy còn có Trần Thị L, sinh năm 1965, trú tại: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La và Trần Thị H (*là vợ của Nguyễn Văn Q*). Ngày 11/01/2000, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Trọng K, Nguyễn Thị C về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 185đ Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 24/01/2000, ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Q, Trần Thị L, Trần Thị H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 185đ Bộ luật Hình sự năm 1985. Thời điểm thi hành quyết định, các bị can bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 04/02/2000, Trần Thị L bị bắt. Nguyễn Thị C, Lê Trọng K, Trần Thị L đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 88/HSST ngày 29/6/2000, xử phạt Lê Trọng K tử hình, Nguyễn Thị C tù chung thân, Trần Thị L 20 năm tù, vật chứng thu giữ đã được xử lý tại bản án nêu trên. Ngày 29/10/2008, Nguyễn Văn Q bị bắt. Nguyễn Văn Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 103/2009/HSST ngày 15/6/2009.

Đối với Trần Thị H, ngày 03/4/2000, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định số 333 tách hành vi phạm tội của H sang một vụ án khác. Ngày 11/5/2000, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 343, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 345 đối với Trần Thị H. Ngày 24/4/2024, Trần Thị H đến trụ sở Công an tỉnh Sơn La đầu thú về hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Thị H khai nhận hành vi đã thực hiện như sau:

Năm 1983, Nguyễn Văn Q nhập ngũ và đóng quân tại tỉnh L1, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Trong thời gian đóng quân, Q gặp và quen một người đàn ông người dân tộc Mông, quốc tịch Lào, tự giới thiệu tên là S1. Q có cho S1 địa chỉ nhà Q ở Việt Nam và bảo S1 khi nào có điều kiện thì sang chơi.

Khoảng cuối năm 1999, Q đang ở nhà tại bản N, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La thì thấy S1 điều khiển xe máy đến nhà. Qua nói chuyện, S1 nhờ Q bán hộ 01 bánh Heroine với giá 60.000.000 đồng, S1 sẽ trả công 10.000.000 đồng, Q

đồng ý, S1 đưa cho Q 01 bánh Heroine và hẹn khi nào Q bán được sẽ đến lấy tiền rồi đi về. Sau khi S1 về, Q đem bánh Heroine giấu ở bụi tre gần nhà và kể lại toàn bộ sự việc cho vợ là Trần Thị H biết để cùng đi tìm khách mua ma túy.

Khoảng 03 ngày sau, H và Q đang ở nhà thì có Trần Thị L (*là chị gái H*) đến chơi. Qua nói chuyện, H và Q nói hiện đang có 01 bánh Heroine và nhờ L tìm khách mua giúp, L đồng ý. Khoảng mấy ngày sau, L đến nhà thông báo cho vợ chồng H biết đã tìm được khách muốn mua ma túy và hỏi giá bán, vợ chồng H thống nhất giá bán là 5.000 USD, L đồng ý và hẹn sẽ dẫn khách đến sau.

Sau đó vài ngày, L điều khiển xe máy chở Lê Trọng K đến nhà vợ chồng H, Q ngồi uống nước ở phòng khách với K, còn L và H đi vào phòng ngủ bàn việc yêu cầu K phải đặt cọc trước 2.000 USD, sau khi thống nhất xong H cùng L đi ra phòng khách. L nói với K phải đặt cọc 2.000 USD mới cho lấy ma túy đi và khi nào bán được ma túy thì K phải mang tiền đến trả. H hỏi K mua ma túy hộ ai, K nói mua hộ Nguyễn Thị C ở khu N1. Nghe K nói vậy, vợ chồng H và L yêu cầu K đưa C đến để trực tiếp trao đổi việc mua bán ma túy. K mượn xe máy của L đi đón C đến nhà H. Tại đây, K nói đưa C đến kiểm tra chất lượng ma túy và mang về cho khách thử trước, nếu ma túy đảm bảo chất lượng mới đồng ý mua. Q đồng ý và đưa K, C ra khu vực bụi tre gần nhà thử chất lượng ma túy, còn H và L ở lại phòng khách ngồi đợi. Một lúc sau K và C quay lại nhà H, K hỏi mượn xe máy của L để chở C mang mẫu ma túy đi cho khách thử và lấy tiền cọc, L đồng ý. Một lúc sau, K điều khiển xe máy chở C quay lại nhà H, C nói chỉ có 500 USD, 2.000.000 đồng tiền Việt Nam và 01 cây vàng (*dạng dây chuyền*) để đặt cọc, vợ chồng H đồng ý. Q nhận tiền và vàng đưa cho H cất vào trong tủ rồi ra vị trí cất giấu bánh Heroine lấy mang vào nhà đưa cho K. Sau đó Q điều khiển xe máy của gia đình chở K đi trước đến nhà C đợi giao ma túy cho khách, L điều khiển xe chở C đi sau. Tại nhà C, K cầm bánh Heroine đi vào nhà cùng C, Q đứng ngoài đợi, còn L đi về nhà. Một lúc sau Q thấy ô tô của lực lượng Công an đi đến đỗ trước cửa nhà C nên Q quay về bảo H mang theo tiền và vàng trong tủ cùng bỏ trốn.

Thời gian đầu, vợ chồng H trốn ở khu vực lán nương của gia đình cách nhà khoảng 02km để nghe ngóng thông tin. Sau đó vợ chồng H trốn sang tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Hòa Bình, tại các địa phương này H và Q đều không khai báo tạm trú với chính quyền địa phương. Năm 2005, H và Q di chuyển đến xã C2, huyện C3, tỉnh Gia Lai, tại đây H, Q đến Công an huyện C3 khai báo mất chứng minh nhân dân và làm lại với tên gọi mới là Trần Thị H1, sinh năm 1971 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965, đăng ký hộ khẩu thường trú cho cả gia đình tại địa chỉ trên.

Khoảng năm 2007, vợ chồng H chuyển đến bản T2, xã N2, huyện Đ, tỉnh Điện Biên sinh sống. Năm 2008, Q về thăm nhà tại huyện M, tỉnh Sơn La thì bị Cơ quan Công an bắt và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử tại Bản án số 103/2009/HSST ngày 15/6/2009. Khi biết chồng bị bắt, H bỏ trốn vào tỉnh Gia Lai tiếp tục làm thuê ở các trang trại cà phê (*không cố định địa điểm cụ thể*). Ngày 24/4/2024, H về thăm gia đình ở bản N, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La và được gia đình vận động đến Cơ quan Công an đầu thú.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 119/CT-VKS-P1 ngày 05/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Trần Thị H về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm a khoản 4 Điều 185đ Bộ luật Hình sự năm 1985.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bị cáo Trần Thị H thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn Q xác nhận đã cùng Trần Thị H thực hiện hành vi mua bán trái phép 01 bánh Heroine khối lượng 276,98 gam vào tháng 01/2000. Sau khi hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị phát hiện, ông Q đã bỏ trốn, đến năm 2008, khi ông Q về thăm nhà ở huyện M, tỉnh Sơn La thì bị bắt. Ông Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử và xử phạt 20 năm tù, đến nay ông Q đã chấp hành án xong. Đối với khoản thu lợi bất chính gồm 500 USD, 2.000.000 đồng và 01 cây vàng ông Q và H đã sử dụng hết trong quá trình bỏ trốn.

** Tranh luận tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 185đ Bộ luật Hình sự năm 1985, nay là điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị H mức hình phạt từ 17 đến 18 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đã xử lý tại Bản án số 88/HSST ngày 29/6/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đề nghị truy thu số tiền Trần Thị H và Nguyễn Văn Q thu lợi bất chính là 14.009.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H trình bày lời bào chữa nhất trí cáo trạng truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội do bị chồng là Nguyễn Văn Q rủ rê, lôi kéo. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

Bị cáo Trần Thị H nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn Q

không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Ngày 04/01/2000, Trần Thị H cùng với Nguyễn Văn Q và Trần Thị L đã bán trái phép 01 bánh Heroine khối lượng 276,98 gam cho Nguyễn Thị C và Lê Trọng K, thu lợi bất chính 500 USD, 2.000.000 đồng và 01 cây vàng.

Hành vi của bị cáo Trần Thị H được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang do Phòng PC X1 Công an tỉnh Sơn La lập hồi 10 giờ 15 phút ngày 04/01/2000 tại nhà ở của Nguyễn Thị C, địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La cùng vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nilon chiều dài 09cm x 6,5cm x 2,5cm có trọng lượng 200 gam, bên trong có bột màu trắng dạng ép; 01 túi nilon chiều dài 9cm x 4cm x 2,5 cm có trọng lượng 100 gam, bên trong có bột màu trắng dạng ép, nghi là Heroine.

- Biên bản mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu giám định và niêm phong lại đối với số vật chứng nghi là Heroine lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 10/01/2000 tại Phòng PC X1 Công an tỉnh Sơn La xác định: Tổng khối lượng bột màu trắng dạng ép trong 02 túi nilon thu giữ sau khi đã bóc tách vỏ gói là 276,98 gam; cục bột thứ nhất trích lấy 0,42 gam ký hiệu CK1, cục bột thứ hai trích lấy 0,30 gam ký hiệu CK2 làm mẫu trưng cầu giám định chất ma túy.

- Bản Kết luận giám định số 163/C21(P5) ngày 16/02/2000 của V1 Bộ Công an kết luận: Chất bột màu trắng ký hiệu CK1 gửi giám định là chế phẩm Heroine, khối lượng 0,423 gam, hàm lượng Heroine 18,38 gam; chất bột màu trắng ký hiệu CK2 gửi giám định là chế phẩm Heroine, khối lượng 0,245 gam, hàm lượng Heroine 31,13%.

- Kết luận giám định số 987/KL-KTHS ngày 30/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Sơn La kết luận: Dấu vết đường vân trên danh, chỉ bản lập ngày 24/4/2024 mang tên Trần Thị H, sinh ngày 20/9/1971 so với dấu vết đường vân trên chỉ bản số 050405049 lập ngày 31/8/1999 mang tên Trần Thị H là dấu vân tay của cùng một người.

- Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị H tại Cơ quan điều tra và tại phiên

tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn Q, Trần Thị L, Nguyễn Thị C và Lê Trọng K về hành vi mua bán trái phép 01 bánh Heroine đã thực hiện vào ngày 04/01/2000; phù hợp với đặc điểm và khối lượng ma túy thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị C và Lê Trọng K; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị H đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 185đ Bộ luật Hình sự năm 1985. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt

Bị cáo Trần Thị H thực hiện hành vi phạm tội với khối lượng ma túy mua bán trái phép là 276,98 gam Heroine, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt "*Chất ma túy có số lượng tương ứng được quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm h khoản 4 Điều 185c*", quy định tại điểm a khoản 4 Điều 185đ Bộ luật Hình sự năm 1985, có mức hình phạt tù chung thân hoặc tử hình.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi mua bán trái phép "*Heroine ... có khối lượng 100 gam trở lên*" bị phạt tù 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình, nhẹ hơn so với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985. Do đó, cần vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 áp dụng quy định có lợi của Bộ luật Hình sự năm 2015 xét xử đối với bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Bị cáo Trần Thị H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo Trần Thị H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện đến Cơ quan điều tra để đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt áp dụng

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Trần Thị H tham gia việc mua bán trái phép chất ma túy do bị chồng là Nguyễn Văn Q rủ rê, lôi kéo; bị cáo chỉ cùng với Q nói với Trần Thị L về việc có 01 bánh Heroine và nhờ L tìm người mua, còn L là người trực tiếp tìm và dẫn Lê Trọng K, Nguyễn Thị C đến trao đổi, thỏa thuận việc mua bán trái phép chất ma túy nên xác định bị cáo là đồng phạm giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể trong việc giúp Nguyễn Văn Q tìm người mua ma túy.

Căn cứ vào nhân thân, khối lượng ma túy mua bán, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mở lượng khoan hồng, vận dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể và khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt áp dụng đối với Nguyễn Văn Q và dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính, bị cáo Trần Thị H còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự nhưng xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các đối tượng có liên quan

Đối với các đối tượng liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Thị H vào ngày 04/01/2000 gồm: Nguyễn Văn Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 103/2009/HSST ngày 15/6/2009, đã chấp hành án xong tháng 3/2021; Nguyễn Thị C, Lê Trọng K, Trần Thị L đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 88/HSST ngày 29/6/2000, xử phạt: Lê Trọng K tử hình, đã được ân giảm xuống tù chung thân; Nguyễn Thị C tù chung thân, được giảm xuống tù có thời hạn và chấp hành án xong ngày 04/10/2016; Trần Thị L 20 năm tù đã chấp hành án xong ngày 04/10/2016.

Đối với người đàn ông tên S1, người dân tộc Mông, quốc tịch Lào theo Trần Thị H và Nguyễn Văn Q khai là người đã đưa 01 bánh Heroine để Q bán vào cuối năm 1999: Kết quả điều tra xác định H, Q không biết rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú và không biết thông tin gì khác của người đàn ông này. Ngoài lời khai của H và Q thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ để tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý là đúng quy định.

[9] Về vật chứng

Vật chứng của vụ án đã được xử lý tại Bản án số 88/HSST ngày 29/6/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử đối với Nguyễn Thị C, Lê Trọng K, Trần Thị L.

Đối với khoản thu lợi bất chính từ việc bán ma túy của Trần Thị H và

Nguyễn Văn Q gồm 500 USD, 2.000.000 đồng và 01 cây vàng (*dạng dây chuyền*): Đối với số tiền 500 USD: Tại Công văn số 613/SLA1 ngày 01/7/2024 của Ngân hàng N3 tỉnh Sơn La xác định tỷ giá ngoại tệ áp dụng cho ngày 04/01/2000 là 14.018,00 VNĐ/USD nên xác định giá trị thu lợi bất chính đối với 500 USD là 7.009.000 đồng. Đối với 01 cây vàng: Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Q khai nhận đã bán cây vàng cho một người phụ nữ không biết tên ở huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên khi bỏ trốn đến tỉnh Thái Nguyên; ngoài lời khai của Q thì không còn căn cứ nào khác nên xác định giá trị thu lợi bất chính đối với 01 cây vàng là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 7.009.000 đồng + 5.000.000 đồng + 2.000.000 đồng = 14.009.000 đồng. Kết quả điều tra xác định H và Q đã sử dụng hết số tiền thu lợi bất chính nêu trên trong quá trình bỏ trốn nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền này. Tuy nhiên, ngoài lời khai của H và Q thì không có căn cứ để xác định số tiền thu lợi bất chính từng bị cáo sử dụng nên truy thu mỗi bị cáo 1/2 tổng số tiền thu lợi bất chính nêu trên (*7.004.500 đồng/người*).

[10] Về án phí

Bị cáo Trần Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 17 (*mười bảy*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 14.009.000 đồng (*mười bốn triệu không trăm linh chín nghìn đồng*), trong đó bị cáo Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn Q mỗi người phải nộp 7.004.500 đồng (*bảy triệu không trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 18/9/2024*).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC 04 Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Nguyễn Minh Hải